

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **237/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/8/2019

Về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình giữa chị Ôn Thị H với anh Hoàng
Đại D*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Phương Mai.
2. Ông Nguyễn Thanh Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST - HNGĐ, ngày 08/3/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/7/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ôn Thị H**; sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn H1, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).
2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Đại D**; sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn H1, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay chị Ôn Thị H vắng mặt, nhưng tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Ôn Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Đại D kết hôn năm 2007, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 04/6/2007. Sau ngày cưới chị và anh D chung sống tại thôn H1, xã K. Cuộc sống chung của

anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, mâu thuẫn trầm trọng dẫn tới không có hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị có đánh cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ năm 2014 tới nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì tới nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh Dương được nữa, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đại D.

Về con chung: Chị và anh D sinh được hai người con là cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 28/3/2008 và cháu Hoàng Thương T1, sinh ngày 15/11/2010, hiện các cháu đang ở với chị và ông bà nội tại thôn C, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu và không đề nghị anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Đại D vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai đương sự anh D trình bày:

Anh và chị Ôn Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; sau đó được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại thôn H1, xã K. Đến khoảng năm 2014 thì chị H đi làm công nhân cho Công ty ở khu vực thành phố Y, tỉnh P, chị H đi làm vẫn thường xuyên về nhà. Từ khi chị H đi làm thì vợ chồng anh có mâu thuẫn về tư tưởng, tình cảm do chị H ít dần tình cảm yêu thương vợ chồng với anh. Khi xảy ra mâu thuẫn anh xác định vợ chồng không đánh cãi chửi nhau. Khoảng năm 2018, thì anh và chị H có trục trặc, một mình anh ở nhà riêng của hai vợ chồng tại thôn H1, xã K, còn chị H không về nhà riêng mà về nhà mẹ đẻ anh là bà Hứa Thị N ở thôn C, xã K, huyện S cùng hai cháu nhỏ. Nay chị H xin ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì anh nghĩ thương các con, không muốn các cháu phải xa bố mẹ. Về tình cảm vợ chồng với chị H thì anh xác định không còn tình cảm gì với chị H nữa.

Về con chung: Anh D xác định anh chị có 02 con chung là cháu T và cháu T1 như chị H trình bày là đúng. Vì anh không nhất trí ly hôn nên anh không nhất trí quan điểm của chị H là để chị Hương được nuôi cả hai cháu, không đề nghị anh phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Hoàng Đại D lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Ôn Thị H được ly hôn với anh Hoàng Đại D.
- Giao cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 28/3/2008 và cháu Hoàng Thương T1, sinh ngày 15/11/2010 cho chị Ôn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Đại D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.
- Chị Ôn Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ôn Thị H và anh Hoàng Đại D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, do có những mâu thuẫn trong gia đình nên từ năm 2014 đến nay, anh chị ly thân, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau.

Qua xác minh tại địa phương thì quá trình anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, xích mích vợ chồng. Nguyên nhân là do anh D không chăm lo xây dựng gia đình, không chịu khó làm ăn dẫn tới vợ chồng thường cãi vã nhau. Gia đình có khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Địa phương cũng phải can thiệp việc anh chị xảy ra xô xát, cãi cọ nhau. Theo lời khai của bà Hứa Thị N là mẹ đẻ của anh D thì khoảng năm 2014 chị H đi làm công nhân cho Công ty ở thành phố Y, tỉnh P thì anh chị đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc gì tới nhau nữa cho tới nay.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã không thể tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, việc chị Ôn Thị H đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Đại D là có căn cứ và cần được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh D sinh được hai người con là cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 28/3/2008 và cháu Hoàng Thương T1, sinh ngày 15/11/2010. Xét thấy, hai cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng chị H và bà nội, chị H đi làm nuôi các cháu nhỏ và thường xuyên về nhà, chăm lo cho các cháu; hai cháu có nguyện vọng được ở với chị H; chị H hiện có nơi cư trú và công việc ổn định. Anh D hiện không làm công việc gì lại sống dựa vào bà N (là mẹ đẻ của anh D), thường xuyên uống rượu dẫn tới say xỉn, lúc say thường chửi mắng bà N, chị H và các cháu nhỏ. Do đó, cần giao cháu T và cháu T1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự đều xác định không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ôn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ôn Thị H được ly hôn với anh Hoàng Đại D.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 28/3/2008 và cháu Hoàng Thương T1, sinh ngày 15/11/2010 cho chị Ôn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Đại D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ôn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000800 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Hoàng Đại D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Long Thị Tuyết Mai